

Số: 01

/QĐ-UBND

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 02 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong
lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp
huyện trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của
Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày
14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị
định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP
ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các
Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của
Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát
thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 3873/QĐ-BTNMT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được
sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước
của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
778/TTr-STNMT ngày 26 tháng 12 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 04 thủ tục hành
chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết
của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (đã được
công bố tại Quyết định số 1343/QĐ-UBND ngày 07/06/2023 của Chủ tịch Ủy
ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc công bố Danh mục thủ tục hành
chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đất đai
thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bà Rịa –
Vũng Tàu).

(Đính kèm Danh mục thủ tục hành chính).

Nội dung chi tiết của thủ tục hành chính được ban hành kèm theo Quyết
định số 3873/QĐ-BTNMT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài
nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm về hình thức, nội dung công khai thủ tục hành chính theo đúng quy định đối với những thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của đơn vị mình.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan có liên quan căn cứ các thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này rà soát, xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Căn cứ Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên phần mềm của Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh.

2. Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì cập nhật, cấu hình thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.

3. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện cập nhật Quyết định công bố và nội dung thủ tục hành chính sau khi Quyết định này được ban hành vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính đúng quy định.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định và Danh mục kèm theo được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, địa chỉ <http://www.baria-vungtau.gov.vn>.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Cục KSTTHC-Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Sở Nội vụ; Sở Thông tin và Truyền thông;
- Báo BR-VT; Đài PTTH tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Trung tâm CNTT&TT- Sở TTTT;
- Lưu: VT, NC7.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH *Khê*



Đặng Minh Thông

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày ... tháng 01 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính cũ	Tên thủ tục hành chính mới	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
Lĩnh vực Đất đai									
1	1.002335	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu cấp huyện	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu cấp huyện	1. Thời gian tiếp nhận và giao trả kết quả: Sáng từ 07 giờ 00 đến 11 giờ 30 và chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ 00 vào các ngày làm việc trong tuần. 2. Thời hạn giải quyết: Không quá 30 (Ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được	Nộp hồ sơ tại một trong các địa điểm sau đây: - Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND các huyện, thị xã, thành phố; - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND các xã, phường,	Hồ sơ được nộp theo một trong các phương thức sau đây: - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucon.g.baria-vungtau.gov.vn	- Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Thu theo Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà	- Luật Đất đai năm 2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị	Các nội dung còn lại của TTHC này thực hiện theo Quyết định số 3873/QĐ-BTNMT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính cũ	Tên thủ tục hành chính mới	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				hồ sơ hợp lệ. - Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định. - Đối với các xã miền núi, hải	thị trấn.	; - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện có bảo đảm. (Dịch vụ công trực tuyến một phần)	Rịa – Vũng Tàu Quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Phụ lục kèm theo). - Lệ phí địa chính: Thu theo Nghị quyết số 61/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội	định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành luật đất đai - Nghị định số 104/2022/NĐ-	đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính cũ	Tên thủ tục hành chính mới	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày. * Cơ quan xử lý hồ sơ - UBND cấp huyện			đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu Quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Phụ lục kèm theo).	CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công. - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư Quy định về Giấy chứng	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính cũ	Tên thủ tục hành chính mới	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
								nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định về hồ sơ địa chính Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định chi tiết	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính cũ	Tên thủ tục hành chính mới	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
								Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai. - Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về ban hành Thông tư sửa đổi, bổ	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính cũ	Tên thủ tục hành chính mới	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
								sung một số điều của các thông tư liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu và giấy tờ liên quan cư trú khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính cũ	Tên thủ tục hành chính mới	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
								tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương(sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT- BTC ngày 26/11/2021); - Thông tư số 09/2021/TT- BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính cũ	Tên thủ tục hành chính mới	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
2	1.002314	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu (cấp huyện)	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu (cấp huyện)	1. Thời gian tiếp nhận và giao trả kết quả: Sáng từ 07 giờ 00 đến 11 giờ 30 và chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ 00 vào các ngày làm việc trong tuần. 2. Thời hạn giải quyết: Không quá 30 (Ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định	Nộp hồ sơ tại một trong các địa điểm sau đây: - Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND các huyện, thị xã, thành phố; - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND các xã, phường, thị trấn.	Hồ sơ được nộp theo một trong các phương thức sau đây: - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtau.gov.vn ; - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện có bảo	- Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Thu theo Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu Quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy	- Luật Đất đai năm 2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của	Các nội dung còn lại của TTHC này thực hiện theo Quyết định số 3873/QĐ-BTNMT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính cũ	Tên thủ tục hành chính mới	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định. Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội		đảm. (Dịch vụ công trực tuyến một phần)	chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Phụ lục kèm theo). - Lệ phí địa chính: Thu theo Nghị quyết số 61/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu Quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ	Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành luật đất đai - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính cũ	Tên thủ tục hành chính mới	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày. * Cơ quan xử lý hồ sơ - UBND cấp huyện			phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Phụ lục kèm theo).	quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công. - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư Quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; - Thông tư số	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính cũ	Tên thủ tục hành chính mới	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
								24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định về hồ sơ địa chính Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính cũ	Tên thủ tục hành chính mới	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
								nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai. - Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu và giấy tờ liên	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính cũ	Tên thủ tục hành chính mới	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
								quan cư trú khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương(sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính cũ	Tên thủ tục hành chính mới	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
								26/11/2021); - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.	
3	1.002291	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở	1. Thời gian tiếp nhận và giao trả kết quả: Sáng từ 07 giờ 00 đến 11 giờ 30 và chiều từ 13	Nộp hồ sơ tại một trong các địa điểm sau đây: - Tại Bộ phận tiếp	Hồ sơ được nộp theo một trong các phương thức sau	- Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Thu theo	- Luật Đất đai năm 2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 Chính phủ quy	Các nội dung còn lại của TTHC này thực hiện theo Quyết định số 3873/QĐ-BTNMT ngày

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính cũ	Tên thủ tục hành chính mới	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất cấp huyện	và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất cấp huyện	giờ 30 đến 17 giờ 00 vào các ngày làm việc trong tuần. 2. Thời hạn giải quyết: Không quá 30 (Ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người	nhận và trả kết quả UBND các huyện, thị xã, thành phố; - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND các xã, phường, thị trấn.	đây: - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ: dichvucong.baria-vungtau.gov.vn ; - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện có bảo đảm. (Dịch vụ công trực tuyến một phần)	Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu Quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Phụ lục	định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	15 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính cũ	Tên thủ tục hành chính mới	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định. Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày. * Cơ quan xử lý			kèm theo). - Lệ phí địa chính: Thu theo Nghị quyết số 61/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu Quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài	- Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành luật đất đai - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính cũ	Tên thủ tục hành chính mới	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				hồ sơ - UBND cấp huyện			sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Phụ lục kèm theo).	vụ công. - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư Quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính cũ	Tên thủ tục hành chính mới	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
								quy định về hồ sơ địa chính Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính cũ	Tên thủ tục hành chính mới	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
								dẫn thi hành Luật đất đai. - Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu và giấy tờ liên quan cư trú khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai.	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính cũ	Tên thủ tục hành chính mới	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
								- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương(sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021); - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính cũ	Tên thủ tục hành chính mới	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
								trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.	
4	1.002978	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	Thủ tục đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	1. Thời gian tiếp nhận và giao trả kết quả: Sáng từ 07 giờ 00 đến 11 giờ 30 và chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ 00 vào các ngày làm việc trong tuần. 2. Thời hạn giải quyết:	Nộp hồ sơ tại một trong các địa điểm sau đây: - Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND các huyện, thị xã, thành phố; - Bộ phận	Hồ sơ được nộp theo một trong các phương thức sau đây: - Qua hệ thống đăng ký trực tuyến theo địa chỉ:	- Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Thu theo Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12	- Luật Đất đai năm 2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP	Các nội dung còn lại của TTHC này thực hiện theo Quyết định số 3873/QĐ-BTNMT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính cũ	Tên thủ tục hành chính mới	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				Không quá 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ tại xã, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám	tiếp nhận và trả kết quả UBND các xã, phường, thị trấn.	dichvucong.baria-vungtau.gov.vn ; - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện có bảo đảm. (Dịch vụ công trực tuyến một phần)	năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu Quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Phụ lục kèm theo). - Lệ phí địa chính: Thu theo Nghị quyết số 61/2016/NQ	ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của	thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính cũ	Tên thủ tục hành chính mới	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				định. Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày. * Cơ quan xử lý hồ sơ - UBND cấp huyện			-HĐND ngày 09/12/0216 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu Quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Phụ lục	các nghị định hướng dẫn thi hành luật đất đai - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công. - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính cũ	Tên thủ tục hành chính mới	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							kèm theo).	Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư Quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định về hồ sơ địa chính Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính cũ	Tên thủ tục hành chính mới	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
								29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai. - Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính cũ	Tên thủ tục hành chính mới	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
								16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu và giấy tờ liên quan cư trú khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính cũ	Tên thủ tục hành chính mới	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
								chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương(sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021); - Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy	

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính cũ	Tên thủ tục hành chính mới	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
								định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.	

**BIỂU MỨC THU PHÍ THẨM ĐỊNH HỒ SƠ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)*

Đơn vị tính: Đồng

	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu		
			Tổ chức	Hộ gia đình, cá nhân	
				Khu vực đô thị (1)	Khu vực nông thôn (2)
A	Phí thẩm định hồ sơ cấp GCN lần đầu:				
1	Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất	Giấy chứng nhận	1.000.000	670.000	560.000
2	Cấp giấy chứng nhận về tài sản	Giấy chứng nhận	1.150.000	730.000	620.000
3	Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất	Giấy chứng nhận	1.550.000	940.000	790.000
B	Phí thẩm định hồ sơ cấp đổi, cấp lại GCN				
1	Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất	Giấy chứng nhận	700.000	540.000	450.000

2	Cấp giấy chứng nhận về tài sản	Giấy chứng nhận	700.000	550.000	460.000
3	Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất	Giấy chứng nhận	900.000	760.000	640.000
C	Phí thẩm định hồ sơ chứng nhận biến động				
1	Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất	Giấy chứng nhận	700.000	340.000	280.000
2	Cấp giấy chứng nhận về tài sản	Giấy chứng nhận	700.000	360.000	300.000
3	Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất	Giấy chứng nhận	900.000	430.000	360.000
4	Chứng nhận biến động đối với trường hợp phát hiện có sai sót, nhầm lẫn về nội dung thông tin trong hồ sơ địa chính (đỉnh chính)	Giấy chứng nhận	300.000	170.000	150.000

**BIỂU THU LỆ PHÍ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở, TÀI SẢN KHÁC
GẮN LIỀN VỚI ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 61/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu)*

STT	Nội dung quan hệ giao dịch	Đơn vị tính	Mức thu
I	Lệ phí cấp Giấy chứng nhận:		
I.1	Lệ phí cấp Giấy chứng nhận lần đầu		
1	Hộ gia đình, cá nhân		
1.1	Hộ gia đình, cá nhân khu vực phường thuộc nội thành:		
	- Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất)	đồng/giấy	25.000
	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	đồng/giấy	100.000
1.2	Hộ gia đình, cá nhân các khu vực còn lại		
	- Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất)	đồng/giấy	12.500
	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	đồng/giấy	50.000

2	Tổ chức		
	- Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất)	đồng/hồ sơ	100.000
	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng và tài sản khác gắn liền với đất:		
	+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; quyền sở hữu nhà ở và công trình xây dựng có diện tích dưới 300 m ² ; và tài sản khác (nếu có)	đồng/hồ sơ	300.000
	+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; quyền sở hữu nhà ở và công trình xây dựng có diện tích từ 300 m ² đến dưới 700 m ² ; và tài sản khác (nếu có)	đồng/hồ sơ	400.000
	+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; quyền sở hữu nhà ở và công trình xây dựng có diện tích trên 700 m ² ; và tài sản khác (nếu có)	đồng/hồ sơ	500.000
	- Giấy chứng nhận chỉ có quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng và tài sản khác gắn liền với đất:		
	+ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và công trình xây dựng có diện tích dưới 300 m ² ; và tài sản khác (nếu có)	đồng/hồ sơ	200.000
	+ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và công trình xây dựng có diện tích từ 300 m ² đến dưới 700 m ² ; và tài sản khác (nếu có)	đồng/hồ sơ	300.000

	+ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và công trình xây dựng có diện tích trên 700 m ² ; và tài sản khác (nếu có)	đồng/hồ sơ	400.000
	(Tài sản khác ở đây gồm cây lâu năm và rừng sản xuất là rừng trồng)		
I.2	Lệ phí cấp lại, cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận		
1	Hộ gia đình, cá nhân		
1.1	Hộ gia đình, cá nhân khu vực phường thuộc nội thành:		
	- Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất)	đồng/lần	20.000
	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	đồng/lần	50.000
1.2	Hộ gia đình, cá nhân các khu vực còn lại		
	- Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất)	đồng/lần	10.000
	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	đồng/lần	25.000
2	Tổ chức		
	- Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất)	đồng/lần	50.000
	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng và tài sản khác	đồng/lần	50.000

	gắn liền với đất		
	- Giấy chứng nhận chỉ có quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng và tài sản khác gắn liền với đất	đồng/lần	50.000
II	Lệ phí cấp chứng nhận đăng ký biến động sau khi cấp giấy chứng nhận:		
1	Hộ gia đình, cá nhân:		
1.1	Hộ gia đình cá nhân khu vực phường thuộc nội thành, nội thị	đồng/lần	28.000
1.2	Hộ gia đình cá nhân khu vực các xã, thị trấn thuộc vùng nông thôn	đồng/lần	14.000
2	Tổ chức	đồng/lần	30.000